

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 406/2018/HSPT

Ngày 28 - 12 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Chung.

2. Ông Nguyễn Duy Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 386/2018/HSPT ngày 03/12/2018 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc D cùng 08 bị cáo về tội “Đánh bạc”, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc D (Tên gọi khác: Nguyễn Ngọc D1, N), sinh năm 1988, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn D2, sinh năm 1965; con bà Văn Thị X, sinh năm 1962; Hiện đang sinh sống tại: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu T, sinh 1988; Hiện đang sống tại Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị C (tên gọi khác: Trần Thị B), sinh năm 1978, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GS, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông Trần T1, sinh năm 1949; con bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); chồng Phan S, bị cáo có 03 con, lớn sinh 2000 nhỏ sinh năm 2009;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 13/2013/HSPT ngày 09/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội

“Đánh bạc” và phạt bổ sung 3.000.000 đồng (do chưa nộp phạt bổ sung số tiền 1.000.000 đồng).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GS, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 01/12; Con ông Nguyễn K1, sinh năm 1935; con bà Nguyễn Trần Thị G, sinh 1935; chồng Nguyễn T2, sinh 1969; Bị cáo có 03 con lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1999;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Ngọc D3, sinh năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn D2, sinh năm 1965; con bà Văn Thị X, sinh năm 1962; Vợ Hồ Thị Mai H2, sinh 1990; Bị cáo có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Ngọc D4, sinh năm 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Nguyễn D2, sinh năm 1965; con bà Văn Thị X, sinh năm 1962; Hiện đang sinh sống tại: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vợ Chu Thị H2 (Đã ly hôn năm 2017); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn N1, sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GS, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn T3, sinh năm 1969; con bà Hoàng Thị H3, sinh 1972.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Đ1, sinh năm 1958, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Nguyễn B1, sinh năm 1933; Hiện sống tại: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; con bà Nguyễn Thị D3 (Đã chết); Vợ Đỗ Thị C2, sinh 1959; Bị cáo có 03 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn D2, sinh năm 1965, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk

Lắc; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Nguyễn C3; hiện sống tại: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; con bà Nguyễn Thị C4 (Đã chết); vợ Văn Thị X, sinh 1962; bị cáo có 05 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1995;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/2/2018 đến ngày 02/3/2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị G1, sinh năm 1957, tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa : Không biết chữ; con ông Nguyễn K1, sinh năm 1935; con bà Trần Thị G, sinh năm 1935; chồng Dương Thanh Q, sinh 1952; bị cáo có 06 con lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Phan Hữu Th, Đỗ Thị C2, Phan Thị Ph, Dương Thị L không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 23/02/2018, Nguyễn Thị H1, Trần Thị C đến nhà Nguyễn D2 ở Thôn GT, xã EP, huyện K chơi. Lúc này Nguyễn Ngọc D đi chơi về thấy H1 và C, đang ngồi chơi thì mọi người rủ nhau đánh bài xì lát ăn tiền nên D đi vào nhà lấy một bộ bài tú lơ khơ, một chăn ra trải lên chiếu trong phòng khách nhà D1 để cùng chơi bài, cách chơi như sau: Người chơi đặt cược một khoản tiền, người cầm cái dùng bộ bài tú lơ khơ 52 lá chia lần lượt mỗi người 02 lá, các lá bài còn dư để giữa. Sau khi chia bài, người chơi sẽ tùy vào số điểm của hai lá bài được chia mà bốc thêm lá bài ở dưới hoặc dừng lại, người cầm cái bốc sau cùng. Nếu các bài sau đây sẽ dừng không bốc nữa như: Xì bàn là 2 lá AA, xì lát có 01 lá A và có một trong các lá bài 10, J, Q, K. Cách tính điểm như sau: Các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 thì số điểm tương ứng với con số trên lá bài, còn các lá bài J, Q, K thì mỗi lá bài tương ứng với 10 điểm, lá bài át (A) có thể tính là 1, 10 hay 11 điểm. Điểm được tính là cộng lại tất cả lá bài trên tay nếu quá 21 điểm là “Oác” thua những người có số điểm từ 16 đến 21, nếu thấy số điểm của hai lá bài thấp có thể tiếp tục bốc thêm, nhưng chỉ được bốc thêm 3 lá bài, trên tay có 5 lá bài có tổng số điểm từ 21 trở xuống gọi là “Ngũ Linh” thắng 21 điểm. Trong quá trình chơi, người cầm cái sẽ so điểm với tất cả với người chơi, nếu người cầm cái thắng thì lấy số người chơi đặt, nếu thua trả cho người chơi số tiền tương ứng số tiền người chơi đặt, nếu bằng điểm nhau thì hòa.

D làm cái cho H1 và C đặt cược chơi, được một lúc thì có Nguyễn Ngọc D4, Đỗ Thị C2 đến và tham gia. Sau đó, người chơi thống nhất mỗi người cầm cái 03

ván, ai không cầm cái thì chuyển người khác. Sau đó có Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Thị G1, Phan Thị Ph cũng đến tham gia đánh bạc, Nguyễn D2 và Nguyễn Đ1 ngồi sau đánh ké. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì Dương Thị L đến, H1 nhờ Linh cầm bài đánh giúp để H1 đi vệ sinh. Sau khi cầm bài giúp H1 một ván thì L lấy 20.000 đồng của mình tham gia đánh, khi H1 vào thì L không tham gia đánh mà đi chơi.

Đến khoảng 23 giờ thì Phan Hữu Th, Nguyễn Văn N1 đến tham gia đánh bạc, khi Th và N1 vào thì G1 và Phương đánh thêm mấy ván nữa thì nghỉ. Khoảng 24 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ trên chiếu bạc là 5.180.000 đồng, 01 bộ bà tú lơ khơ 52 lá; 01 cái chắn; 01 cái chiếu; thu trên người các con bạc số tiền là 4.824.000 đồng; ngoài ra còn thu 05 điện thoại, 07 xe mô tô các loại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc D; Trần Thị C, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Đ1, Nguyễn D2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Đ1, Nguyễn D2, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Văn N1.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc D 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Trần Thị C, 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị H1, 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc D3, 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc D4, 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn N1, 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đ1, 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn D2, 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị G1, 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Phan Hữu Th, Đỗ Thị C2, Phan Thị Ph, Dương Thị L, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/10/2018, bị cáo Nguyễn Thị H1 kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 15/10/2018, các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1 kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 16/10/2018, các bị cáo Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Đ1 kháng cáo và kháng cáo bổ sung với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 17/10/2018, bị cáo Trần Thị C kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Đ1 và Trần Thị C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật. Với mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm, các bị cáo có cung cấp thêm bị cáo N1,

bị cáo H1, bị cáo D3, bị cáo D4 và bị cáo D2 đều là gia đình có công với cách mạng đều được thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngoài ra bị cáo D2 từng phục vụ trong quân đội trong thời kỳ chống Phun rồ. Đối với bị cáo Nguyễn Thị G1, Nguyễn Đ1 và Trần Thị C, tuy các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thuộc hộ nghèo và quá khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Ngọc D3 và Nguyễn Đ1, cho các bị cáo được hưởng án treo. Đối với Trần Thị C, đang có một tiền án về tội “Đánh bạc”, hiện nay gia đình thuộc hộ nghèo, vợ chồng sống ly thân từ mấy năm nay, hoàn cảnh của bị cáo quá khó khăn nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm về đoàn tụ cùng gia đình.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Lời khai của các bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Do ý thức coi thường pháp luật nên khoảng 24 giờ ngày 23/02/2018 (tức ngày 07/01 Tết âm lịch), tại nhà Nguyễn D2 ở Thôn GT, xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Đ1 và Trần Thị C cùng nhau tham gia đánh bạc dưới hình thức xì lát được thua bằng tiền. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Krông Năng bắt quả tang, thu giữ tại chiếc bạc số tiền 5.180.000 đồng, thu giữ trên người các con bạc số tiền 4.824.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Trần Thị C (mỗi bị cáo) 09 tháng tù; Nguyễn Ngọc D3 08 tháng tù; Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Đ1 (mỗi bị cáo) 07 tháng tù; Nguyễn D2 và Nguyễn Thị G1 (mỗi bị cáo) 06 tháng tù, có phần nghiêm khắc so với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị các bị cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo có cung cấp thêm bị cáo H1 có bác ruột

là người có công với cách mạng, bị cáo D3 và bị cáo D4 có bà ngoại là người có công với cách mạng, bị cáo D2 có mẹ vợ là người có công với cách mạng đều được thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngoài ra bị cáo D2 từng phục vụ trong quân đội trong thời kỳ chống Phun rô. Đối với bị cáo Nguyễn Thị G1, Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn N1 và Trần Thị C, tuy các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thuộc hộ nghèo và đặc biệt khó khăn. Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo D3 và bị cáo D2 đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của các bị cáo. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội đến nay các bị cáo chấp hành tốt về pháp luật cũng như mọi nội quy, quy chế của địa phương đặt ra. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Ngọc D3 và Nguyễn Đ1, giảm nhẹ một phần hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ. Đối với bị cáo Trần Thị C, đang có một tiền án về tội “Đánh bạc” nhưng hoàn cảnh của bị cáo hiện nay gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo đang nuôi con nhỏ quá khó khăn nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo sớm về đoàn tụ cùng gia đình. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị C.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Đ1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 49/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng về phần hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thị C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/02/2018 đến ngày 02/3/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D3 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D4 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Ngọc D3 về cho UBND xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 BLHS năm 2015:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ1 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian thi hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn D2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian thi hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian thi hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đ1, Nguyễn D2 và Nguyễn Thị G1 về cho UBND xã EP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo, vì các bị cáo thuộc hộ cận nghèo và hộ nghèo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn D2, Nguyễn Ngọc D4, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Ngọc D3, Nguyễn Đ1 và Trần Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS Công an huyện K;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tùng